

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 137/2026/HS-PT
Ngày 09 tháng 02 năm 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Xuân

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 477/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Võ Thị Thu H; do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 697/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 43/2026/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026, đối với:

Bị cáo có kháng cáo: Họ và tên: **Võ Thị Thu H**; sinh ngày 14/4/1973 tại tỉnh CM; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 73 LĐH, Phường 6, thành phố CM, tỉnh CM (nay là phường Tân Thành, tỉnh CM); Nơi ở: 213/47/8 TTH, phường TTH, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường TTH, Thành phố Hồ Chí Minh); Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần TH; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn B (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (đã chết); Có chồng đã ly hôn, con 01 người con tên Lý Khánh Ph, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giam từ ngày 03/6/2024 đến nay (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Minh T - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phan Phước T, sinh năm 1969. Địa chỉ: 223 VTT, Phường 11, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường BH, Thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Nguyễn Thị Cẩm T1 – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

(Ngoài ra, trong vụ án còn có 163 người bị hại, 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không có kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ

Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ – Đào tạo TH (viết tắt Công ty TH), trụ sở: số 7 đường S11, phường TH, quận TP, TP. Hồ Chí Minh được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 16/9/2015, do Võ Thị Thu H - Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật, với ngành nghề kinh doanh: Mua bán thẻ cào điện thoại di động.

Giai đoạn năm 2015-2016, Công ty TH thành lập website www.toanthang.net.vn để đăng tin quảng cáo các nội dung như sau: “*Chương trình khách hàng si phổ thông TH*” cụ thể của nhà mạng chính – chiết khấu: Mobifone 5,8%; Vinaphone 5,8%; Viettel 5,5%; Vietnamobile 7,0%. Khách lấy đơn hàng bao nhiêu cũng được chiết khấu như trên và được chiết khấu thẳng trên giá trị đơn hàng.

Ngoài ra, Công ty TH còn đưa ra các chương trình phân phối thẻ cào đối với các đại lý:

- Đại lý cấp phân phối: chiết khấu đỉnh 12% với điều kiện ký quỹ 2.000.000.000 đồng và mỗi tháng phải lấy đơn hàng tối đa theo số tiền tương đương đã ký quỹ sẽ được chiết 12% trên tổng giá trị đơn/tháng;

- Đại lý cấp 1: chiết khấu 11% với điều kiện ký quỹ trên 100.000.000 đồng;

- Đại lý cấp 2: chiết khấu 9% với điều kiện ký quỹ dưới 100.000.000 đồng;

- Riêng Đại lý cấp 3: chiết khấu 6,1% và kèm theo lợi nhuận 5%/tháng do chỉ lấy chiết khấu thấp và đơn hàng hạn chế.

Từ thông tin nêu trên, các khách hàng đã trực tiếp liên hệ với Võ Thị Thu H để thực hiện việc đầu tư, kinh doanh. Qua trao đổi, các khách hàng được H cung cấp khách hàng ký Hợp đồng kinh tế mua bán thẻ cào điện thoại các mạng viễn thông

Mobiphone, Viettel, Vinaphone, Vietnamobile với số tiền từ 5.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng được Công ty chiết khấu như trên. H yêu cầu khách hàng phải ký quỹ số tiền tương ứng số tiền mua thẻ cào điện thoại, số tiền ký quỹ sẽ được Hương trả lại trong thời hạn 02 năm từ ngày ký hợp đồng kinh tế, còn nếu khách hàng lấy trước thời hạn sẽ bị phạt 35% trị giá hợp đồng hoặc với hình thức ký Hợp đồng góp vốn kinh doanh với H sẽ được Công ty trích lợi nhuận tương ứng từ 4% đến 5%/tháng/số tiền góp.

Sau khi được H tư vấn, các khách hàng (Bên B) đồng ý ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc Hợp đồng hợp tác góp vốn và trực tiếp nộp tiền mặt cho Võ Thị Thu H đại diện Công ty TH (Bên A) tương ứng với số tiền trên hợp đồng mà không viết hóa đơn, giấy biên nhận tiền (*khi ký xong hợp đồng, hợp đồng được xem như là giấy biên nhận tiền của H với các khách hàng*).

Giai đoạn đầu, các khách hàng cũng được giao các sản phẩm thẻ cào điện thoại các mạng viễn thông hoặc được trích lợi nhuận tương ứng theo các hợp đồng. Tuy nhiên, đến 09/01/2017 Võ Thị Thu H không thực hiện theo như thỏa thuận với các khách hàng, đồng thời đóng cửa Công ty TH, bỏ trốn.

Với thủ đoạn như trên, Công ty TT đã ký 407 hợp đồng với 163 cá nhân, chiếm đoạt tổng số tiền 52.206.500.000 đồng (phụ lục đính kèm).

Ngày 06/10/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận giám định số 1875, kết luận: chữ ký đứng tên “*Võ Thị Thu H*” trên các hợp đồng ký với khách hàng so với chữ ký đứng tên “*Võ Thị Thu H*” trên các tài liệu tờ khai chứng minh nhân dân và hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TH do cùng một người ký ra.

Xác minh tại các Tổng Công ty viễn thông Mobiphone, Vinaphone..., được biết: thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông là hàng hóa viễn thông chuyên dùng và cung cấp quy trình, quy định đối với đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh làm đại lý độc quyền hay đại lý phổ thông về lĩnh vực dịch vụ viễn thông (Điểm bán lẻ) phải đáp ứng theo thông tư 04/2012/TT-BTTTT ngày 13/4/2012 về các tiêu chí như: tiêu chí mặt bằng, tập huấn cho điểm bán lẻ, ký hợp đồng ủy quyền, cấp giấy chứng nhận cho chủ điểm bán lẻ, phân phối sản phẩm hàng hóa trả trước (sim, thẻ) theo đơn đặt hàng.... Về chiết khấu bán hàng (thẻ thanh toán dịch vụ viễn thông), các Tổng Công ty áp dụng cho các đại lý bán hàng trong năm 2015 và 2016 như sau: Tổng công ty viễn thông Mobiphone đối với thẻ vật lý (thẻ giấy) là 5% (năm 2015), 4% (năm 2016); Tổng công ty Vinaphone đối với thẻ vật lý trong năm 2015 và 2016 là 5,7%. Các Tổng Công ty trên không ký hợp đồng đại lý đối với Công ty TH.

Xác minh tại Công ty Cổ phần BM, xác định: đương sự Nguyễn Thiên Ph, trú tại số 276 BTX, Phường 3, quận TB đã lập trang web: www.toanthang.net.vn từ thời

gian ngày 12/6/2015 đến 12/6/2016 với giá tiền dịch vụ cung cấp tên miền là 990.400 đồng, để cho Nguyễn Thiên Ph đăng các tin trên mạng internet liên quan đến tên miền trên và Công ty CP MB đã cung cấp toàn bộ nội dung tin đăng trên website: www.toanthang.net.vn

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Võ Thị Thu H khai nhận hành vi phạm tội như trên. Số tiền khoảng hơn 52.000.000.000 đồng thu được của khách hàng, H sử dụng vào mục đích trả lãi và chiết khấu % cho các khách hàng theo Hợp đồng kinh tế, góp vốn với Công ty TH; trả lương cho nhân viên; chi phí sinh hoạt của nhân viên; trả tiền thuê mặt bằng và bị Đỗ Thị Khánh L chiếm đoạt hơn 13.000.000.000 đồng. Giai đoạn năm 2016, Đỗ Thị Khánh L và Phan Tuấn A (cùng ngụ: quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh) có nhận tiền, hợp tác cung cấp thẻ cào cho Võ Thị Thu H đại diện Công ty TH. Đến cuối năm 2016, Ly không có nguồn hàng thẻ cào để tiếp tục cung cấp theo thỏa thuận cho Võ Thị Thu H và cũng chưa hoàn trả lại số tiền 13.706.491.000 đồng cho Hương.

Võ Thị Thu H xác nhận số lượng khách hàng, hợp đồng và việc nhận tiền của khách hàng. Đối với hàng hóa là thẻ cào điện thoại các mạng di động, Công ty TH mua lẻ từ nhiều nguồn cá nhân khác nhau, bao gồm Đỗ Thị Khánh L và các cửa hàng bán thẻ cào nhỏ lẻ. Tuy nhiên, đến cuối năm 2016, sau khi huy động tiền nhưng bị mất cân đối tài chính, H không còn khả năng trả lãi, chiết khấu cho khách hàng, cũng như không có nguồn thẻ cào để giao nên đã trốn tránh, không còn tiền để hoàn trả lại số tiền đã nhận của các khách hàng cho đến nay.

Đối với các nhân viên Công ty TH, gồm Nguyễn Thiên Ph, Cao Trọng Ngh, Võ Thị Thu H1 khai: Ph đăng ký lập trang web: www.toanthang.net.vn tại Công ty cổ phần MB và đăng các tin trên mạng internet theo sự chỉ đạo của Võ Thị Thu H - Giám đốc Công ty TH. Hoạt động và vai trò của các nhân viên liên quan của Công ty được phân công tư vấn cho khách hàng về việc mua bán thẻ cào điện thoại các nhà mạng viễn thông, ký hợp đồng kinh tế và thu tiền của các khách hàng khi giao kết hợp đồng; giao thẻ cào, thu tiền khách hàng. Khách hàng sẽ nộp tiền mặt trực tiếp cho H hoặc nhân viên sau khi nhận tiền của khách hàng sẽ tổng hợp, báo cáo, nhập liệu, chuyển cho H quản lý. Các cá nhân là nhân viên Công ty chỉ thực hiện công việc theo yêu cầu của H và nhận lương bình quân hàng tháng, nếu thực hiện tốt có hiệu quả sẽ được trích thưởng riêng. Các khách hàng sau khi đã ký hợp đồng với Công ty TH sẽ nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản (số tiền lớn, còn ít sẽ nộp trực tiếp tại Công ty) để được hưởng chiết khấu. Liên quan việc bán, giao thẻ cào và nhận tiền của khách hàng, hằng ngày sẽ đưa phiếu thu để khách ký xác nhận, thu tiền xong đem về bàn giao lại tất cả cho H. Tất cả việc quản lý, điều hành liên quan việc kinh doanh và thu, chi của Công ty đều do H trực tiếp quản lý, sử dụng trong quá trình hoạt động.

Xác minh tài sản là bất động sản của Võ Thị Thu H, xác định: Quyền sử dụng đất tại số 39-41 ĐH 3, xã XTT, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh thuộc thửa đất số 563, 564 tờ bản đồ số 54 do Sở Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận số CL834015 và CL834016 số vào sổ CS03329 và CS03322 cấp ngày 08 và ngày 15/11/2018 cho Võ Thị Thu H, sinh năm 1973, ngụ: 73 LĐH, Phường 6, TP. CM, tỉnh CM (các thửa đất trước đây là số 2509; 2510 tờ bản đồ số 4, xã XTT, huyện HM được Võ Thị Thu H chuyển nhượng cập nhật biến động chủ sở hữu ngày 08/4/2016).

Hiện các tài sản trên Võ Thị Thu H đã chuyển nhượng cho ông Phan Phước T (sinh năm 1969, trú tại: 223 VTT, Phường 11, quận TB, TP. Hồ Chí Minh). Theo ông T trình bày, ông T mua bán nhà đất tại số 39-41 ĐH 3, xã XTT, huyện HM, TP. Hồ Chí Minh với Võ Thị Thu H giai đoạn tháng 5/2018 với giá 9.500.000.000 đồng, theo Hợp đồng công chứng chuyển nhượng (không tài sản gắn liền với đất) số 009654; 009653 vào ngày 22/5/2018 do Văn phòng công chứng TB thực hiện. Ngày 11/6/2018, hai bên đã thực hiện nghĩa vụ thuế trước bạ, thuế thu nhập cá nhân liên quan việc chuyển nhượng này. Hiện nay, ông T chỉ được quản lý, sử dụng nhà đất trên, chưa thực hiện việc đăng ký, cập nhật sang tên do bị ngăn chặn theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với các cá nhân liên quan gồm: Bùi Thực Tr hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch; Lê Đình Nh hiện không còn sinh sống nơi cư trú, không rõ nơi ở hiện nay; Đỗ Thị Khánh L hiện đã chuyển nơi cư trú về khu phố Nông Doanh, phường XT, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai; Phan Tuấn A hiện đã chuyển nơi cư trú về Khu phố 2, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, triệu tập làm việc, đăng báo truy tìm nhưng chưa có kết quả.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp lời khai bị hại, lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu giữ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 697/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Thu H tù chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2021.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo Võ Thị Thu H bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền đã chiếm đoạt là 52.606.500.000 đồng (có danh sách 163 bị hại cụ thể kèm theo).

Hủy hai Hợp đồng công chứng chuyển nhượng (không tài sản gắn liền với đất) số 009654 và số 009653 ngày 22/5/2018 giữa bà Võ Thị Thu H và ông Phan Phước T đối với thửa đất số 2509 tờ bản đồ số 4 diện tích 222m² và thửa đất số 2510 tờ bản đồ số 4 diện tích 221m² do Văn phòng công chứng TB thực hiện. Giao 02 phần đất trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Võ Thị Thu H phải trả lại cho ông Phan Phước T số tiền 9.500.000.000 (chín tỷ năm trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kiến nghị xem xét hủy bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi xuất chậm trả, xử lý vật chứng, các quyền theo Luật Thi hành án dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15/10/2025, bị cáo Võ Thị Thu H có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 13/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Phước T có đơn kháng cáo với nội dung:

Tháng 5/2018, ông có mua 02 căn nhà, đất của bị cáo Võ Thị Thu H. Giá mua toàn bộ tài sản tổng cộng 9.500.000.000 đồng. Tại thời điểm mua, nhà đất của bị cáo đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh huyện TP - Phòng giao dịch KCN TB, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông đã giao tiền cho bà H để bà H giải chấp tại Ngân hàng và hai bên ra Phòng công chứng để ký kết hợp đồng chuyển nhượng. Khi đó ông mới biết bà H không đủ tiền nên phần nhà cất trên 02 thửa đất xây dựng xong nhưng chưa hoàn công. Bà H đã ký 02 Hợp đồng chuyển nhượng cho ông số 009653 và 009654 và ký ủy quyền, bàn giao toàn bộ hồ sơ cho ông liên hệ với các cơ quan chức năng để hoàn tất thủ tục hoàn công, bàn giao 02 nhà, đất cho ông ở liên tục từ khi ký hợp đồng chuyển nhượng đến nay. Ông đã thực hiện xong thủ tục xóa thế chấp, đóng thuế và hoàn công, sau đó Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho bà H. Sau khi được cấp quyền sử dụng đất, ông đã liên hệ với bà H để thực hiện ký lại hợp đồng chuyển nhượng, nhưng không liên lạc được với bà H. Ông đã khởi kiện bà H ra Tòa án và Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử tại Bản án số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 công nhận 02 Hợp đồng chuyển nhượng số 009653 và 009654, ông được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận. Bản án có hiệu lực thi hành.

Khi mua bán 02 nhà, đất ông không biết tài sản của bà H có liên quan đến hành vi phạm tội nên là người ngay tình; khi bà H chuyển nhượng còn nợ Ngân hàng

ông là người thanh toán để bà H giải chấp; ông nhận chuyển nhượng từ năm 2018, ngoài chi phí chuyển nhượng, chi phí trượt giá thị trường, ông đã thanh toán các chi phí liên quan thuế, hoàn công, chi phí Luật sư, Tòa án chỉ tuyên bà H trả 9.500.000.000 đồng là không hợp lý. Ông đăng ký cập nhật sang tên tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai nhưng bị từ chối giải quyết do có Công văn số 9434/PC03-Đ9 ngày 22/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra đề nghị ngăn chặn.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận cho ông được quyền sở hữu hợp pháp đối với 02 tài sản đã nhận chuyển nhượng của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Thu H và ông Phan Phước T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo luật định và xử phạt bị cáo hình phạt tù chung thân tù là phù hợp, tương xứng tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra nên đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo.

Về nội dung kháng cáo của ông Phan Phước T: Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản là nhà, đất đã chuyển nhượng cho ông T có nguồn gốc từ tiền đã chiếm đoạt của các bị hại nên phải thu hồi lại và kiến nghị, xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện HM (đã có hiệu lực thi hành) là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM đã công nhận hai hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009654 và số công chứng 009653, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng này là không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật. Việc giải quyết hậu quả pháp lý đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa bị cáo H với ông T chỉ sau khi Tòa án cấp có thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM, giao vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo H phải trả lại cho ông T số tiền 9.500.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật trong vụ án này là không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy phần giải quyết của Bản án sơ thẩm đối với hai hợp đồng chuyển nhượng trên, hủy phần quyết định đối với phần bị cáo H phải trả lại cho ông T 9.500.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo Võ Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Phước T kháng cáo đúng quy định tại Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo H:

Bị cáo Võ Thị Thu H thành lập Công ty TH và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 16/9/2015, Công ty do bị cáo làm Tổng Giám đốc và đại diện pháp luật, ngành nghề kinh doanh: Mua bán thẻ cào điện thoại di động.

Giai đoạn năm 2015-2016, mặc dù không đủ khả năng tài chính cũng như việc đảm bảo thực hiện ký hợp đồng phân phối thẻ cào điện thoại di động của các doanh nghiệp viễn thông như Mobiphone, Viettel, Vinaphone, Vietnamobile, nhưng bị cáo đã đăng ký thành lập Website: www.toanthang.net.vn, đăng các thông tin gian dối, quảng cáo về lợi nhuận, chiết khấu cao về việc cung cấp thẻ cào điện thoại di động các mạng viễn thông nhằm tạo sự tin tưởng cho nhiều khách hàng, để ký các hợp đồng hợp tác kinh doanh, kinh tế hoặc hợp đồng hợp tác góp vốn.

Giai đoạn đầu, các khách hàng cũng được giao các sản phẩm thẻ cào điện thoại các mạng viễn thông hoặc được trích lợi nhuận tương ứng theo các hợp đồng. Tuy nhiên, đến 09/01/2017 bị cáo không thực hiện theo như thỏa thuận với các khách hàng, đồng thời đóng cửa Công ty TH và bỏ trốn. Tổng cộng Công ty Toàn Thắng đã ký 407 hợp đồng với 163 cá nhân, chiếm đoạt tổng số tiền 52.206.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo khai bị cáo giao cho Đỗ Thị Khánh L và Phạm Tuấn A ngụ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh 13.706.491.000 đồng để lấy thẻ cào giao cho khách, nhưng bị Ly và Tuấn Anh chiếm đoạt.

Hành vi của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần trở lên; ngoài ra bị cáo còn phạm tội có tính chất chuyên nghiệp (Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng thêm tình tiết tăng nặng này theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là có thiếu sót). Trong thời gian từ khi thành lập Công ty đến thời điểm tháng 01/2017, bị cáo đã chiếm đoạt của 163 bị hại với số tiền đặc biệt lớn, hơn 52.000.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đánh giá khách quan, toàn diện các tình tiết của vụ án, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, xem xét áp dụng các tình

tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, xử phạt bị cáo hình phạt tù chung thân là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không cung cấp các tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo, giữ nguyên hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

[3] Về nội dung kháng cáo của ông Phan Phước T, thấy rằng:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật) đã xét xử vụ án “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán nhà ở*” giữa nguyên đơn là ông Phan Phước T với bị đơn là bà Võ Thị Thu H (là bị cáo trong vụ án này), Bản án đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Phước T đối với bà Võ Thị Thu H; công nhận các hợp đồng có hiệu lực pháp luật, cụ thể: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009654 đối với thửa đất số 2509, diện tích 222m², mục đích sử dụng làm nhà ở, tọa lạc xã XTT, huyện HM; Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009653 đối với diện tích 221m², mục đích sử dụng làm nhà ở, tọa lạc xã XTT, huyện HM; Công nhận Hợp đồng mua bán nhà ở ngày 21/5/2018 đối với diện tích 222m² và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ công trình xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 2329/GPXD ngày 09/5/2016 của UBND huyện HM; thửa đất số 2510 diện tích 221m², mục đích sử dụng làm nhà ở, tọa lạc xã XTT, huyện HM và tài sản gắn liền với đất là toàn bộ công trình xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 2328/GPXD ngày 09/5/2016 của UBND huyện HM.

Ông Phan Phước T được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hoặc được cập nhật biến động sang tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo Võ Thị Thu H khai nhận: Thời điểm năm 2016, bị cáo nhận chuyển nhượng các thửa đất tại ấp 7, xã XTT, huyện HM để đầu tư xây dựng trường học từ nguồn tiền đã nhận được của khách hàng, do làm ăn thua lỗ, mất cân đối về tài chính nên đem tài sản thế chấp ngân hàng. Bị cáo thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Phan Phước T 02 tài sản này giá 9.500.000.000 đồng lấy tiền trả nợ ngân hàng, số tiền chuyển nhượng đất có được từ ông T bị cáo thanh toán trả nợ cho một số khách hàng. Từ đó đến nay, ông T chỉ quản lý, sử dụng nhà đất trên chứ không đăng ký được do bị ngăn chặn theo yêu cầu của Cơ quan điều tra.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định các tài sản là nhà, đất đã chuyển nhượng cho ông T có nguồn gốc từ tiền đã chiếm đoạt của các bị hại nên phải thu hồi lại và kiến nghị xem xét hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện HM là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm không xác định cụ thể Tòa án có thẩm quyền nào xem xét theo trình tự tái thẩm là thiếu sót

nên Tòa án cấp phúc thẩm cần bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật. Mặt khác, theo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM (có hiệu lực thi hành) đã công nhận 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số công chứng 009653 và hợp đồng số công chứng 009654, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên hủy 02 hợp đồng chuyển nhượng này là không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật (vì Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật đã giải quyết đối với 02 hợp đồng này, thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm thuộc về cấp có thẩm quyền kháng nghị, xét xử theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của pháp luật).

Mặt khác, việc giải quyết hậu quả pháp lý đối với hợp đồng chuyển nhượng giữa bị cáo H với ông T chỉ sau khi Tòa án cấp có thẩm quyền hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM, giao vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị cáo H phải trả lại cho ông T số tiền 9.500.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật trong vụ án này là không đúng thẩm quyền, trái quy định của pháp luật tố tụng, làm ảnh hưởng và xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H xác nhận bị cáo chuyển nhượng 02 quyền sử dụng nhà đất cho ông T giá 9.500.000.000 đồng là đúng theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Trước khi chuyển nhượng cho ông T, 02 quyền sử dụng nhà đất trên đang được thế chấp cho Ngân hàng, ông T là người đem tiền trả nợ Ngân hàng để bị cáo lấy tài sản thế chấp ra chuyển nhượng cho ông T. Ngoài ra, ông T còn thực hiện các thủ tục hoàn công, đóng thuế cho Nhà nước, ông T đã trả xong tiền nhận chuyển nhượng cho bị cáo, đã nhận nhà đất và quản lý, sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Xét thấy, mặc dù 02 quyền sử dụng nhà đất bị cáo có được có nguồn gốc từ tiền đã chiếm đoạt của các bị hại, tuy nhiên ông T là người nhận chuyển nhượng không biết và không thể biết tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị Tòa án có thẩm quyền xem xét cụ thể quyền được ưu tiên đảm bảo cho ông T đối với tài sản là 02 quyền sử dụng nhà đất trong quá trình thi hành án, khi bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện HM bị hủy về giải quyết lại.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Phước T, hủy phần quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên về nội dung: hủy hai Hợp đồng công chứng chuyển nhượng số 009653 và số 009654; Buộc bị cáo H phải trả lại cho ông T 9.500.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Án phí: Bị cáo H phải chịu án phí phúc thẩm hình sự, ông T không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 355; Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thu H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 697/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Thu H tù chung thân về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 03/6/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định giam của Hội đồng xét xử để đảm bảo thi hành án.

2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phan Phước T, hủy một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 697/2025/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể hủy phần quyết định đã tuyên có nội dung:

“Hủy hai Hợp đồng công chứng chuyển nhượng (không tài sản gắn liền với đất) số 009654 và số 009653 ngày 22/5/2018 giữa bà Võ Thị Thu H và ông Phan Phước T đối với thửa đất số 2509 tờ bản đồ số 4 diện tích 222m² và thửa đất số 2510 tờ bản đồ số 4 diện tích 221m² do Văn phòng công chứng TB thực hiện. Giao 02 phần đất trên cho Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo Võ Thị Thu H phải trả lại cho ông Phan Phước T số tiền 9.500.000.000 (chín tỷ năm trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật”.

Kiến nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 20/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và mua bán nhà ở*” giữa nguyên đơn là ông Phan Phước T với bị đơn là bà Võ Thị Thu H theo trình tự tái thẩm.

3. Về án phí: Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm hình sự. Ông T không phải chịu án phí phúc thẩm dân sự; Hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0033051 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh
- TAND TPHCM (2);
- VKSND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Công an TPHCM;
- Trại tạm giam Công an TPHCM (2);
- NLQ (1);
- Lưu: VP (5), Hồ sơ (2), 18B (ÁN 09).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Xuân